

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2010	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	14 - 32
8. Phụ lục	33

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (công ty mẹ) và Công ty TNHH TĐH (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn***Công ty mẹ***

Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000955 ngày 22 tháng 4 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Thay đổi lần thứ 01 ngày 05 tháng 06 năm 2002, lần thứ 02 ngày 13 tháng 02 năm 2003, lần thứ 04 ngày 25 tháng 5 năm 2006, lần thứ 06 ngày 26 tháng 09 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ.
- Thay đổi lần thứ 03 ngày 27 tháng 02 năm 2004 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính.
- Thay đổi lần thứ 05 ngày 05 tháng 5 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

244.305.960.000 VND

Trong đó:

Cổ đông	Vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sáng lập	20.000.000.000	8,19
Các cổ đông khác	224.305.960.000	91,81
Cộng	244.305.960.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 28 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là TPC.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại : (84 – 8) 39 737 277 - 39 737 278
 Fax : (84 – 8) 39 737 279 - 39 737 276
 E-mail : daihungplastic@hcm.vnn.vn
 Mã số thuế : 0302760102

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán bao bì nhựa bao bì hạt nhựa PP, PE, PET (trừ tái chế phế thải); sản xuất chế biến sản phẩm cao su (không hoạt động tại trụ sở); mua bán sản phẩm nhựa nguyên liệu nhựa bột màu, máy móc thiết bị và phụ tùng ngành công nông lâm ngư nghiệp.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH TĐH	C11 – C15, cụm công nghiệp nhựa Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5002000837 ngày 22 tháng 5 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp	100%



Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Doanh thu của Tập đoàn năm nay tăng 37.518.760.365 VND tương đương 9% so với năm trước chủ yếu là do số lượng tiêu thụ và giá bán đều gia tăng. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của giá vốn hàng hóa mua vào và chi phí hoa hồng bán hàng tăng làm cho lợi nhuận trước thuế năm nay giảm 27.302.528.878 VND tương đương 40% so với năm trước.

Trong năm, Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đã phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 205.460.000.000 VND lên 244.305.960.000 VND và mua lại 2.500.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 32).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Trung Cang	Chủ tịch	11 tháng 8 năm 2007	-
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Chủ tịch	11 tháng 8 năm 2007	-
Bà Tôn Hồng Minh	Thành viên	11 tháng 8 năm 2007	-
Ông Phạm Văn Mẹo	Thành viên	11 tháng 8 năm 2007	-
Ông Nguyễn Hữu Phú	Thành viên	11 tháng 8 năm 2007	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên	11 tháng 8 năm 2007	-
Bà Đào Thanh Tuyền	Thành viên	10 tháng 9 năm 2008	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hòa	Trưởng ban	11 tháng 8 năm 2007	-
Bà Lê Thị Mỹ Ngọc	Ủy viên	11 tháng 8 năm 2007	-
Bà Lê Thị Minh Trí	Ủy viên	11 tháng 8 năm 2007	-

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	11 tháng 8 năm 2007	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2011





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0176/2011/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HUNG**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HUNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (công ty mẹ) và Công ty TNHH TDH (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 22 tháng 02 năm 2011, từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Các vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Chúng tôi chỉ được yêu cầu xem xét các số liệu kế toán phát sinh từ năm 2008 của Công ty TNHH TDH; do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về các số liệu phát sinh từ trước năm 2008 cũng như ảnh hưởng của các số liệu này đến các chỉ tiêu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ. Theo đó, khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn là 3.388.541.428 VND (số đầu năm là 2.254.791.200 VND) được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì được kết chuyển vào thu nhập theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0090/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2011

102
CÔ
ACH I
KIỂM
T
V/1

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		290.355.611.624	270.194.300.029
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.252.627.115	27.493.626.686
1. Tiền	111		30.242.516.003	20.993.626.686
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.010.111.112	6.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.903.500.000	67.390.245.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10.903.500.000	67.390.245.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		107.887.189.557	96.994.094.921
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	93.701.965.416	77.226.881.567
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	904.500.000	9.339.922.816
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	14.050.679.628	13.748.021.388
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(769.955.487)	(3.320.730.850)
IV. Hàng tồn kho	140		108.654.108.502	65.519.784.267
1. Hàng tồn kho	141	V.7	108.654.108.502	67.626.961.968
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	-	(2.107.177.701)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.658.186.450	12.796.549.156
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.500.000	22.795.410
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.217.988.407	9.437.652.741
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	1.794.642.008	114.048.153
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	633.056.035	3.222.052.852

4742

NG T

HIỆM H

TOÁN

J VẢ

HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

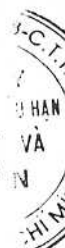
Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		84.149.991.498	96.152.216.187
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		42.220.147.042	50.992.898.319
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	42.220.147.042	50.992.898.319
<i>Nguyên giá</i>	222		72.643.793.309	74.074.753.379
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(30.423.646.267)	(23.081.855.060)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		164.800.000	164.800.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(164.800.000)	(164.800.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		41.114.082.845	45.109.945.964
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	18.567.451.445	20.212.407.015
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	35.094.447.615	33.344.447.615
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.14	(12.547.816.215)	(8.446.908.666)
V. Tài sản dài hạn khác	260		815.761.611	49.371.904
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	397.390.451	16.887.904
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	418.371.160	32.484.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		374.505.603.122	366.346.516.216



C. T. P. N.

T. D. H.

V. A.

H. M.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		39.161.387.443	40.110.574.327
I. Nợ ngắn hạn		310		36.738.879.928	37.800.598.490
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	5.679.600.000	12.100.000.000
2.	Phải trả người bán	312	V.18	15.874.123.886	7.242.432.157
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.19	2.570.200.000	3.640.493.681
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	2.992.897.674	4.953.942.643
5.	Phải trả người lao động	315		4.764.648.195	2.849.735.825
6.	Chi phí phải trả	316	V.21	4.759.992.613	1.947.272.599
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	97.417.560	5.066.721.585
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		2.422.507.515	2.309.975.837
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	2.422.507.515	2.309.975.837
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		335.344.215.679	326.235.941.889
I. Vốn chủ sở hữu		410		335.344.215.679	326.235.941.889
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	244.305.960.000	205.460.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	86.242.518.451	125.088.478.451
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414	V.24	(40.632.476.860)	(10.285.954.920)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.24	3.388.541.428	2.254.791.200
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	42.039.672.660	3.718.627.158
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		374.505.603.122	366.346.516.216

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		442.051	1,083,338.18
Euro (EUR)		-	19.06
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Văn Trình
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**Năm 2010**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	447.235.717.622	409.716.957.257
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1.016.707.712	383.868.624
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	446.219.009.910	409.333.088.633
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	379.874.665.356	320.480.257.442
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.344.344.554	88.852.831.191
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.854.459.880	7.740.979.490
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.881.715.703	2.408.336.119
Trong đó: chi phí lãi vay	23		777.904.252	1.438.685.664
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	16.127.765.240	8.102.054.850
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11.415.442.492	15.439.954.911
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39.773.880.999	70.643.464.801
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.353.132.007	3.739.272.865
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.156.275.866	6.735.353.169
13. Lợi nhuận khác	40		196.856.141	(2.996.080.304)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		455.044.430	612.407.015
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.425.781.570	68.259.791.512
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	2.490.623.228	3.280.155.871
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.16	(385.887.160)	2.068.757.000
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>38.321.045.502</u>	<u>62.910.878.641</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		38.321.045.502	62.910.878.641
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.658</u>	<u>2.629</u>

4102
C
RACH
KIẾ
1
V1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2011



Nguyễn Văn Trinh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.425.781.570	68.259.791.512
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11	8.456.928.343	4.636.302.373
- Các khoản dự phòng	03	V.6,V.8,V.14	(557.045.515)	(47.025.419.117)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.333.698.777)	29.639.275.482
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	777.904.252	1.438.685.664
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41.769.869.873	56.948.635.914
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		574.496.434	(36.442.373.225)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(41.027.146.534)	14.282.167.196
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.587.163.522)	22.673.123.549
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(370.207.137)	56.845.783
- Tiền lãi vay đã trả	13		(777.904.252)	(1.438.685.664)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(5.199.046.591)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(2.447.478.588)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.617.101.729)	53.632.234.965
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11	(1.837.993.046)	(1.141.965.542)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	727.636.364	3.193.881.527
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(46.367.000.000)	(137.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		102.853.745.000	70.209.755.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.12	350.000.000	18.271.169.940
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5,VI.3	10.296.099.653	800.872.396
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		66.022.487.971	(46.266.286.679)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.24	(30.346.521.940)	(1.469.344.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	73.985.779.100	73.920.199.823
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(80.545.860.599)	(85.216.287.073)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.24	(3.500.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(36.910.103.439)	(12.765.431.250)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		17.495.282.803	(5.399.482.964)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	27.493.626.686	32.594.593.815
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		263.717.626	298.516.835
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	45.252.627.115	27.493.627.686

 Nguyễn Văn Trình
 Người lập biểu

 Nguyễn Thị Thanh Loan
 Kế toán trưởng

 Nguyễn Văn Hùng
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (công ty mẹ) và Công ty TNHH TĐH (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất – thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất bao bì nhựa, mua bán bao bì nhựa bao bì hạt nhựa PP, PE, PET (trừ tái chế phế thải) và kinh doanh bất động sản.
- Tổng số các Công ty con** : 01

5. Danh sách Công ty con được hợp nhất

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH TĐH	C11 – C15, cụm Công nghiệp nhựa Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	100%	100%

6. Danh sách Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh	414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	35%	35%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Tập đoàn có 702 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 767 nhân viên).

8. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Doanh thu của Tập đoàn năm nay tăng 37.518.760.365 VND tương đương 9% so với năm trước chủ yếu là do số lượng tiêu thụ và giá bán đều gia tăng. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của giá vốn hàng hóa mua vào và chi phí hoa hồng bán hàng tăng làm cho lợi nhuận trước thuế năm nay giảm 27.302.528.878 VND tương đương 40% so với năm trước.

Trong năm, Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đã phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 205.460.000.000 VND lên 244.305.960.000 VND và mua lại 2.500.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (công ty mẹ) và Công ty TNHH TĐH (công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 10
Máy móc và thiết bị	02 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

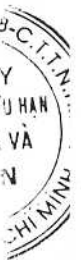
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Công ty mẹ trích dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính.

Công ty con trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội.

Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

16. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu kỳ sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 :17.801 VND/USD
31/12/2010 :18.932 VND/USD

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

S.Đ.K.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	29.086.524	29.935.208
Tiền gửi ngân hàng	12.213.429.479	20.963.691.478
Các khoản tương đương tiền (*)	33.010.111.112	6.500.000.000
Cộng	45.252.627.115	27.493.626.686

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản cho vay ngắn hạn. Chi tiết bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Quế Trân	-	39.600.000.000
Công ty cổ phần ĐHP	10.000.000.000	27.790.245.000
Các đối tượng khác	903.500.000	-
Cộng	10.903.500.000	67.390.245.000

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng nước ngoài	61.139.173.271	66.365.306.584
Các khách hàng trong nước	32.562.792.145	10.861.574.983
Cộng	93.701.965.416	77.226.881.567

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	904.500.000	9.339.922.816
Các nhà cung cấp nước ngoài	-	-
Cộng	904.500.000	9.339.922.816

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền cho mượn	1.810.851.498	2.166.805.498
Lãi phải thu	487.550.200	2.478.815.890
Phải thu từ chuyển nhượng đất (*)	9.003.400.000	9.102.400.000
Tạm treo tiền trả trước công ty đầu tư cơ sở hạ tầng Tân Đô	2.539.360.000	-
Các khoản phải thu khác	209.517.930	-
Cộng	14.050.679.628	13.748.021.388

(*) Khoản tiền phải thu từ chuyển nhượng đất của dự án phát sinh từ trước năm 2008 đến nay của công ty con – Công ty TNHH TĐH.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán dưới 01 năm của khoản công nợ phải thu nước ngoài.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	3.320.730.850
Hoàn nhập dự phòng	(2.550.775.363)
Số cuối năm	769.955.487

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	7.971.129.280	-
Nguyên liệu, vật liệu	70.370.539.525	46.076.331.429
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.442.411.556	12.631.190.919
Thành phẩm	15.721.620.683	8.501.559.686
Hàng hóa	1.148.407.458	417.879.934
Cộng	108.654.108.502	67.626.961.968

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	-	196.460.522
Công cụ dụng cụ	-	534.212.595
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	830.239.302
Thành phẩm	-	546.265.282
Cộng	-	2.107.177.701

9. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.680.593.745	-
Thuế nhà thầu nộp thừa	114.048.263	114.048.153
Cộng	1.794.642.008	114.048.153

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	633.056.035	767.117.702
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	2.454.935.150
Cộng	633.056.035	3.222.052.852

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.675.014.134	66.400.739.617	5.611.776.399	387.223.229	74.074.753.379
Tăng trong năm	-	1.367.736.991	366.600.000	103.656.055	1.837.993.046
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.268.953.116)	-	-	(3.268.953.116)
Số cuối năm	1.675.014.134	64.499.523.492	5.978.376.399	490.879.284	72.643.793.309

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	120.220.952	1.214.931.505	315.706.588	234.693.882	1.885.552.927
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	670.392.734	19.982.680.796	2.176.902.348	251.879.182	23.081.855.060
Tăng trong năm	170.659.628	7.540.453.434	675.952.680	69.862.601	8.456.928.343
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.115.137.136)	-	-	(1.115.137.136)
Số cuối năm	841.052.362	26.407.997.094	2.852.855.028	321.741.783	30.423.646.267
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.004.621.400	46.418.058.821	3.434.874.051	135.344.047	50.992.898.319
Số cuối năm	833.961.772	38.091.526.398	3.125.521.371	169.137.501	42.220.147.042
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

12. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh ^(a)	17.500	17.500.000.000	17.500	17.500.000.000
Công ty cổ phần ĐHP ^(b)	-	-	2.100	2.100.000.000
Lợi nhuận thu được từ Công ty liên kết		1.067.451.445		612.407.015
Cộng		18.567.451.445		20.212.407.015

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4103008891 thay đổi lần thứ 02 ngày 01 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng vào Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh là 17.500.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đã đầu tư 17.500.000.000 VND, tương đương 35,86% vốn chủ sở hữu thực góp tại Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5003000300 thay đổi lần thứ 01 ngày 28 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, vốn góp của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng vào Công ty cổ phần ĐHP là 3.500.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Trong năm 2010, Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đã rút vốn 350.000.000 VND khỏi Công ty cổ phần ĐHP. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đã đầu tư 1.750.000.000 VND, tương đương 17,50% vốn chủ sở hữu thực góp tại Công ty cổ phần ĐHP. Do đó, khoản đầu tư này được chuyển sang trình bày ở khoản mục "Đầu tư dài hạn khác" (thuyết minh V.13).



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
- Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	3	198.949	3	198.949
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	379.521	11.300.000.000	379.521	11.300.000.000
- Công ty cổ phần văn hóa Tân Bình ^(a)	193.976	10.544.248.666	177.960	10.544.248.666
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Tân Đô		1.500.000.000		1.500.000.000
- Công ty cổ phần dịch vụ đầu tư hạ tầng Á Châu		10.000.000.000		10.000.000.000
- Công ty cổ phần ĐHP ^(b)	1.750	1.750.000.000		-
Cộng		35.094.447.615		33.344.447.615

(a) Cổ phiếu Công ty cổ phần văn hóa Tân Bình tăng thêm do nhận cổ tức bằng cổ phiếu.

(b) Xem thuyết minh V.12.

14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	8.446.908.666
Trích lập dự phòng bổ sung	4.100.907.549
Số cuối năm	12.547.816.215

15. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu năm	16.887.904
Tăng trong năm	462.661.476
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(82.158.929)
Số cuối năm	397.390.451

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	32.484.000
Số trích lập thêm	385.887.160
Số cuối năm	418.371.160

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Vay và nợ ngắn hạn**

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu để để bảo lãnh L/C và bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất 36.358 m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thuộc quyền sở hữu của Cty TNHH Đại Hưng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	12.100.000.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	73.985.779.100
Số tiền vay đã trả trong năm	(80.545.860.599)
Chênh lệch tỉ giá	139.681.499
Số cuối năm	5.679.600.000

18. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	7.902.994.606	7.242.432.157
Các nhà cung cấp nước ngoài	7.971.129.280	-
Cộng	15.874.123.886	7.242.432.157

19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng ứng trước tiền góp vốn đầu tư nền đất	2.570.200.000	2.511.563.800
Khách hàng ứng trước tiền mua hàng	-	1.128.929.881
Cộng	2.570.200.000	3.640.493.681

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.887.348.655	18.351.358.210	(19.645.642.069)	593.064.796
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	2.241.624.480	(1.749.136.961)	492.487.519
Thuế xuất, nhập khẩu	119.547.666	555.982.979	(675.530.645)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.899.357.871	2.490.623.228	(5.199.046.591)	190.934.508
Thuế thu nhập cá nhân	47.688.451	140.898.807	(152.770.262)	35.816.996
Thuế nhà thầu	(114.048.153)	-	-	(114.048.153)
Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	4.839.894.490	23.786.487.704	(27.428.126.528)	1.198.255.666

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh dệt sợi bao bì nhựa, Công ty TNHH TĐH được hưởng thuế suất 20% trong 10 năm kể từ năm hoạt động đầu tiên. Công ty được miễn thuế 02 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% số thuế phải nộp trong 06 năm tiếp theo.

Năm tài chính 2010 là năm thứ tư Công ty TNHH TĐH hoạt động kinh doanh có lãi.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.425.781.570	68.259.791.512
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.126.332.191	5.444.355.009
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.465.719.388)	(962.104.075)
Thu nhập chịu thuế	42.086.394.373	72.742.042.446
Lỗi các năm trước được chuyển	(2.142.210.448)	(58.480.035.826)
Thu nhập tính thuế	39.944.183.925	14.262.006.620
Trong đó:		
- Thu nhập hoạt động kinh doanh được ưu đãi (thuế suất 20%)	37.518.080.689	(7.231.591.205)
- Thu nhập hoạt động kinh doanh không được ưu đãi (thuế suất 25%)	2.426.103.236	17.688.987.370
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.110.141.947	3.565.501.655
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(3.751.808.069)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Thông tư 03/2009/TT – BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính	-	(285.345.784)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước	(1.867.710.650)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.490.623.228	3.280.155.871

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

21. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng	1.678.690.890	206.118.404
Tiền điện	161.140.000	479.688.000
Chi phí gia công	2.890.161.723	1.261.466.195
Các khoản khác	30.000.000	-
Cộng	4.759.992.613	1.947.272.599

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	27.137.862	43.317.713
Bảo hiểm thất nghiệp	18.358.613	20.413.869
Cổ tức còn phải trả	38.850.000	-
Tiền góp vốn đầu tư vào Công ty đầu tư Khu Công nghiệp Tân Đông phải trả	-	4.960.000.000
Công ty TNHH Đại Hưng	13.000.000	
Khoản phải trả khác	72	42.990.003
Cộng	97.417.560	5.066.721.585

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	2.395.795.801
Số trích lập trong năm	80.334.027
Số chi trong năm	(53.622.313)
Số cuối năm	2.422.507.515

24. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 33.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	3.500.000
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	3.500.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	24.430.596	20.546.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ		
- Cổ phiếu thường	24.430.596	20.546.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu thường	(3.161.640)	(661.640)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu thường	21.268.956	19.884.360
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	447.235.717.622	409.716.957.257
- Doanh thu bán hàng hóa,	67.434.021.264	76.161.805.059
- Doanh thu bán thành phẩm	363.328.769.066	302.314.648.556
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	16.472.927.292	31.240.503.642
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.016.707.712)	(383.868.624)
Doanh thu thuần	446.219.009.910	409.333.088.633

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	64.188.992.867	73.391.495.439
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	300.684.621.068	222.440.083.184
Giá vốn của nguyên vật liệu đã cung cấp	17.108.229.122	39.390.781.593
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.107.177.701)	(14.742.102.774)
Cộng	379.874.665.356	320.480.257.442

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	915.310.736	349.696.060
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.071.420.517	291.835.065
Lãi trái phiếu	-	181.760.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.249.359.112	180.997.688
Lãi tiền cho vay	3.318.102.710	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	453.037
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.300.266.805	2.642.120.821
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	4.094.116.819
Cộng	10.854.459.880	7.740.979.490

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	777.904.252	1.438.685.664
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.002.903.902	6.979.883.804
Lỗ do nhượng bán chứng khoán	-	29.586.937.781
Chi phí môi giới chứng khoán	-	6.876.063
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	4.100.907.549	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	-	(35.604.047.193)
Cộng	9.881.715.703	2.408.336.119

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	324.373.620	231.535.957
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.307.512	21.153.756
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.896.478.951	6.754.571.865
Chi phí khác	2.864.605.157	1.094.793.272
Cộng	16.127.765.240	8.102.054.850

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.230.528.045	5.644.088.627
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	474.019.140	499.620.964
Chi phí khấu hao tài sản cố định	734.199.446	727.475.918
Chi phí dự phòng	(2.550.775.363)	3.320.730.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.598.943.090	2.901.458.281
Chi phí khác	1.928.528.134	2.346.580.271
Cộng	11.415.442.492	15.439.954.911

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	727.636.364	3.193.881.527
Thu tiền phạt	92.922.455	-
Thu tiền bồi thường	905.063.657	-
Thu nhập khác	627.509.531	545.391.338
Cộng	2.353.132.007	3.739.272.865

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	2.153.815.980	1.369.854.423
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	2.650.833.787
Khoản chi phí thuế năm trước xử lý năm nay	-	1.801.350.000
Các khoản chi phí khác	2.459.886	913.314.959
Cộng	2.156.275.866	6.735.353.169

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.321.045.502	62.910.878.641
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	38.321.045.502	62.910.878.641
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	23.110.187	23.932.043
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.658	2.629

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	19.884.360	20.075.760
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng ngày 20 tháng 8 năm 2010	3.976.872	4.081.154
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại (bao gồm cả ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại đến số lượng cổ phiếu được mua lại trước ngày phát hành cổ phiếu thưởng)	(751.045)	(224.871)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.110.187	23.932.043

Năm 2010, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần. Vì vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 3.163 VND xuống còn 2.629 VND.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	198.540.976.166	130.127.965.747
Chi phí nhân công	40.562.057.229	27.655.431.077
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.456.928.343	4.636.302.373
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.859.738.503	17.512.024.887
Chi phí khác	13.691.053.518	32.622.264.540
Cộng	329.110.753.759	212.553.988.624

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	746.893.800	309.496.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	23.350.656	12.848.640
Phụ cấp	230.468.400	12.468.000
Cộng	1.000.712.856	334.812.640

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh	Công ty liên kết
Công ty cổ phần ĐHP	Công ty liên kết



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh		
Bán hàng hóa	67.434.021.264	83.777.985.565
Mua hàng hóa	-	29.449.588.000
Nhận cổ tức	175.000.000	-
Công ty cổ phần ĐHP		
Cho vay ngắn hạn	-	93.000.000.000
Thu hồi vốn góp	350.000.000	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh		
Bán hàng hóa	24.597.714.726	-
Công ty cổ phần ĐHP		
Cho vay ngắn hạn	-	27.790.245.000
Cộng nợ phải thu	24.597.714.726	27.790.245.000-
Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh		
Nhận ứng trước tiền hàng hoá	-	214.190.208
Cộng nợ phải trả	-	214.190.208

Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, các Công ty trong Tập đoàn áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Thông tin khác

Như đã trình bày thuyết minh IV.19 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, các Công ty trong Tập đoàn xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn là 3.388.541.428 VND (số đầu năm là 2.254.791.200 VND) được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì được kết chuyển vào thu nhập theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2011



Nguyễn Văn Trình
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	205.460.000.000	125.088.478.451	(8.816.610.920)	-	(59.192.250.483)	262.539.617.048
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	62.910.877.641	62.910.877.641
Đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	2.254.791.200	-	2.254.791.200
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(1.469.344.000)	-	-	(1.469.344.000)
Số dư cuối năm trước	205.460.000.000	125.088.478.451	(10.285.954.920)	2.254.791.200	3.718.627.158	326.235.941.889
Số dư đầu năm nay	205.460.000.000	125.088.478.451	(10.285.954.920)	2.254.791.200	3.718.627.158	326.235.941.889
Tăng vốn trong năm	38.845.960.000	(38.845.960.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	38.321.045.502	38.321.045.502
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(2.254.791.200)	-	(2.254.791.200)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	3.388.541.428	-	3.388.541.428
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(30.346.521.940)	-	-	(30.346.521.940)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	3.388.541.428	42.039.672.660	335.344.215.679

(Signature)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2011



Nguyễn Văn Trình
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc